TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **1581**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26-4-2024
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Cẩm Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Thanh Giàu

2. Ông Trần Đăng Vạn

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Hải Yến – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa*: Ông Vũ Lê Quang Đạo – Kiểm sát viên

Trong ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 2506/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2023 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 937/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 1863/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1981
Địa chỉ: Tổ 1, khu phố Bến Đò, phường Long Bình, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Hoàng D, sinh năm 1979
Địa chỉ: khu phố Bến Đò, phường Long Bình, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà H, ông D đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:

Bà H và ông D tìm hiểu và tự nguyện sống chung, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Long Bình, Quận 9 (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường. Đến năm 2004 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông D chơi cờ bạc gây nợ, ông D thường đi chơi qua đêm. Sự việc kéo dài đến tháng 6 năm 2023 ông D tiếp tục gây nợ với số tiền lớn, phải mang xe máy của vợ chồng đi bán, cầm cố, ông D không phụ giúp bà H về tài chính, bà phải tự gồng gánh trang trải lo cho gia đình. Bà H nhiều lần khuyên ngăn, cho ông D cơ hội nhưng đều không có kết quả. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, đã từng xô xát, không còn tìm được tiếng nói chung, tình cảm lạnh nhạt. Tuy vẫn sống chung nhà nhưng khoảng một năm nay vợ chồng không ăn cơm chung, sống ly thân hoàn toàn. Từ khi nộp đơn ly hôn đến nay, bà H và ông D có trao đổi chuyện hàn gắn nhưng không có kết quả. Nay bà H cảm thấy không còn tình cảm vợ chồng, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông D.

Về con chung: Bà H và ông D Có 02 người con chung tên Huỳnh Trần H Y và Huỳnh KN. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con. Hiện nay, bà H đang làm bảo mẫu tại Trường Tiểu học với mức lương khoảng 7.000.000 đồng/tháng, bà H có nhà riêng nên bà bảo đảm cuộc sống cơ bản cho các con. Ông D hiện không có việc làm, không có thu nhập nên bà không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H tự khai không có.

Tại buổi hòa giải ngày 25 tháng 01 năm 2024, bị đơn ông D trình bày: Ông D thống nhất với lời trình bày của bà H về quá trình tìm hiểu, kết hôn. Ông D xác nhận năm 2004 ông có gây một khoản nợ nhưng không lớn, ông đã tự trả nợ nhưng việc gây nợ không phải do ăn chơi mà do ông ham kiếm tiền nên nghe theo bạn bè rủ rê rồi không may gây nợ. Sau lần đó ông D cũng bị bệnh, sức khỏe yếu nhưng vẫn đi làm phụ vợ sắm sửa lo cho gia đình. Sau dịch Covid-19, khoảng cuối năm 2022 ông D có mở tiệm cắt tóc và kinh doanh quán cà phê nhưng do không quản lý được tài chính nên ngày càng thâm hụt, ông D đã giấu vợ để cố gắng giải quyết nhưng càng ngày càng gây nợ nhiều hơn. Những lần ông D đi đêm cũng chỉ là đi viếng đám tang rồi ngồi chơi với bạn bè, chứ không ăn nhậu chơi bời gì cả. Bản thân ông D luôn cảm thấy thương yêu vợ con, mong muốn vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ nên ông D không đồng ý ly hôn với bà H.

Về con chung: Ông xác nhận vợ chồng có 02 người con chung. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, ông D đồng ý giao cả 02 con cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông trình bày do đang thất nghiệp, chưa tìm được việc làm ổn định, không có thu nhập nên ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông D tự khai không có.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật; Việc cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Xác định đúng người tham gia tố tụng; Hội đồng xét xử thực hiện đúng quyền hạn theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cụ thể, về quan hệ hôn nhân: Cho bà H được ly hôn với ông D; Về con chung: Giao bà H trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 người con chung, ông D không cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Không có; Về án phí: Bà H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ lời khai của đương sự trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà H nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông D, ông D có nơi cư trú tại phường Long Bình, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc tham gia tố tụng của các đương sự: Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H và ông D.

[3] Xét yêu cầu của đương sự:

Bà H và ông D tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn ngày 05 tháng 12 năm 2001 tại Ủy ban nhân dân phường Long Bình, Quận 9 (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 163/2001, quyển số 01 nên hôn nhân giữa bà H và ông D là hợp pháp.

Theo lời khai của bà H thì vợ chồng mâu thuẫn là ông D ăn chơi gây nợ nần, không phụ giúp bà chăm lo gia đình, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát, tình cảm lạnh nhạt. Hiện nay, vợ chồng đã ly thân dù vẫn sống chung nhà nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông D.

Theo lời trình bày của ông D thì ông xác nhận có gây nợ nần, tuy nhiên khoản nợ phát sinh do làm ăn thua lỗ, không phải do ăn chơi, cờ bạc. Bản thân ông vẫn yêu thương vợ con và có mong muốn hàn gắn đoàn tụ.

Tuy nhiên tại Đơn đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử đề ngày 05 tháng 3 năm 2024, bà H trình bày từ sau buổi hòa giải ngày 25 tháng 01 năm 2024 ông D vẫn không thay đổi, vợ chồng không có tiếng nói chung, không ai nói chuyện với ai. Ngày 05 tháng 4 năm 2024, Tòa án mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án nhưng

ông D cũng không đến tham dự. Điều đó chứng tỏ ông D bỏ mặc, không còn quan tâm đến hôn nhân giữa ông với bà H. Xét thấy lời khai của bà H là phù hợp với thực tế nêu trên. Do đó, mâu thuẫn giữa bà H và ông D đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông D là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Có 02 người con chung. Xét, bà H yêu cầu giao cả 02 con cho bà trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con. Tại buổi hòa giải ngày 25 tháng 01 năm 2024 ghi nhận ý kiến của ông D đối với trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, ông cũng đồng ý giao cả 02 con cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con. Trẻ Huỳnh Trần HY cũng có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Do đó, căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn về việc được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả 02 trẻ Huỳnh Trần HY, Huỳnh KN và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H và ông D tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị H được ly hôn với ông Huỳnh Hoàng D.

Giấy chứng nhận kết hôn ngày 05 tháng 12 năm 2001 tại Ủy ban nhân dân phường Long Bình, Quận 9 (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Giao cho bà Trần Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả 02 người con chung. Ông Huỳnh Hoàng D không cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Nếu lợi dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu

đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì quyền lợi mọi mặt của người con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức tiền cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc của người không trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự khai không có.

2. Về án phí: Bà Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà Hóa đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng ngày 16 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Hóa đã nộp đủ án phí.

3. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- UBND phường Long Bình, TP. Thủ Đức;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Thị Cẩm Hiền